

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày 18/9/2020

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Ngọc Thông

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Công Ó

2. Bà Lý Thị Dung

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Khánh Hòa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hân, Kiểm sát viên.

Ngày 18/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn, thụ lý số 153/2020/HNGĐ ngày 27/7/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXX ngày 01/9/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vàng Thị S, sinh năm 1997, cư trú tại bản S, xã S, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Sông A B (X), sinh năm 1997, cư trú tại bản S, xã S, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt có lý do.

- *Người phiên dịch:* Ông Cầm Đình Cốc, cư trú tại tiểu Khu 7, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn yêu cầu ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa chị Vàng Thị S đều trình bày: Chị sống chung với anh Sông A B (X) từ tháng 01/2014 đến nay không có đăng ký kết hôn và sống hoà thuận được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B sử dụng ma túy, lười lao động, không chăm lo gia đình và con cái, anh chị đã sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay không còn quan tâm và không còn trách nhiệm gì với nhau nữa, chị yêu cầu ly hôn với anh Sông A B.

Quá trình chung sống đã có với nhau 02 con chung là Sông A T, sinh ngày 09/9/2014 và Sông A K, sinh ngày 28/10/2018, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/8/2020, các phiên hòa giải anh Sông A B (X) đều khai: Anh và chị S chung sống với nhau từ năm 2014 đến nay không có đăng ký kết hôn, quá trình sống chung không có mâu thuẫn giữa hai người, đến tháng 6/2020 thấy chị S đem cả 02 đứa con về nhà bố mẹ đẻ ở bản T, xã S và sau đó yêu cầu ly hôn, anh yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Trong thời gian sống chung đã có với nhau 02 con chung như chị S trình bày, trường hợp ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả 02 cháu và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung và nợ riêng không có.

Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa anh B trình bày: Do điều kiện về sức khỏe không thể đến tham gia phiên tòa được và anh đề nghị xem xét, giải quyết cho anh được đoàn tụ. Về con chung, trường hợp ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, trong hạn luật định, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị S và anh Sông A B chung sống với nhau từ năm 2014 đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Vàng Thị S và anh Sông A B không phải là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống chị S và anh B đã có với nhau 02 con chung, do điều kiện kinh tế của cả hai anh chị đều khó khăn. Để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, đề nghị giao cho chị S và anh B mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 01 cháu, chị S và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Vàng Thị S.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định vụ án yêu cầu ly hôn giữa nguyên đơn là chị Vàng Thị S và bị đơn là anh Sông A B (X) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa của anh Sông A B phù hợp với quy định điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị S và anh Sông A B sống chung với nhau từ năm 2014 đến nay không có đăng ký kết hôn, mặc dù anh, chị đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do anh chị không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, quan hệ giữa chị S và anh B không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong quá trình sống chung anh, chị đã có với nhau 02 con chung, tại các phiên hòa giải chị S và anh B đều yêu cầu được nuôi cả 02 cháu. Tại phiên tòa chị S yêu cầu được nuôi cháu Sông A K và giao cho anh Sông A B trực tiếp nuôi cháu Sông A T.

Xét thấy điều kiện kinh tế của chị S và anh B đều rất khó khăn, nghề nghiệp trồng trọt, thu nhập thấp theo mùa vụ, cả hai anh chị không có khả năng nuôi cả 02 cháu. Để đảm bảo cho con chưa thành niên có cuộc sống ổn định và phát triển tốt, cần chấp nhận yêu cầu của chị Vàng Thị S trực tiếp nuôi cháu Sông A K, sinh ngày 28/10/2018 đang ở theo chị S cho đến khi trưởng thành, anh Sông A B trực tiếp nuôi cháu Sông A T, sinh ngày 09/9/2014 đang ở cùng anh B cho đến khi trưởng thành.

Chị Vàng Thị S và anh Sông A B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung và nợ riêng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vàng Thị S đang sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn của huyện Phù Yên, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo Nghị định số 326/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên bố: Quan hệ giữa chị Vàng Thị S và anh Sòng A B (X) không phải là vợ chồng.

3. Về con chung:

+ Giao cho chị Vàng Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Sòng A K, sinh ngày 28/10/2018 đến khi trưởng thành.

+ Giao cho anh Sòng A B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Sòng A T, sinh ngày 09/9/2014 đến khi trưởng thành.

Chị Vàng Thị S và anh Sòng A B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ cho chị Vàng Thị S

Trả lại cho chị Vàng Thị S 300.000<sup>d</sup> (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2016/3992 ngày 27/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Chị Vàng Thị S có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Sơn La trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Sòng A B (X) có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Sơn La trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án sơ thẩm được niêm yết.

***Nơi gửi:***

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND Phù Yên;
- Chi cục THADS Phù Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Lường Ngọc Thông**